

Số: 4566/BC-STC

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 11 năm 2018

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG	
ĐẾN	Số: 11540
	Ngày: 20/11/2018
Chuyển:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018

Thực hiện Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 04/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện cải cách hành chính năm 2018;

Theo Công văn số 1699/SNV-CCHC ngày 13/8/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo định kỳ cải cách hành chính và Kế hoạch số 783/KH-STC ngày 09/3/2018 của Sở Tài chính về thực hiện cải cách hành chính năm 2018, Sở Tài chính báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2018, như sau:

I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC

1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án về CCHC của tỉnh:

a. Liệt kê nhiệm vụ được giao

- Rà soát, kiểm soát, đơn giản hóa TTHC.
- Phát động phong trào thi đua CCHC năm 2018 và giai đoạn 2016-2020.
- Giám sát tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
- Tổng hợp báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b. Báo cáo tiến độ đạt/chưa đạt của các phần việc được giao (về mặt thời gian, số lượng). Đánh giá sơ bộ nội dung đã thực hiện:

- Năm 2018, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ 05 TTHC; công bố mới 20 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính và công bố mới 02 TTHC áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 1399, số 2414/QĐ-UBND ngày 17/9/2018, số 1401 và số 1400/QĐ-UBND ngày 14/6/2018). Hiện nay, Sở Tài chính đã niêm yết 100% TTHC thuộc thẩm quyền tại Bảng niêm yết, công khai trên Trang thông tin điện tử Sở và trên Hệ thống Một cửa điện tử.

- Ban hành Kế hoạch Phát động phong trào thi đua CCHC năm 2018 và giai đoạn 2016 - 2020 tại Sở Tài chính (Kế hoạch số 3292/KH-STC ngày 28/8/2018); quy định tiêu chí và bảng điểm đánh giá, phân loại CBCC và người lao động (Quyết định số 102/QĐ-STC ngày 21/9/2018).

- Do các đơn vị trên địa bàn tỉnh gửi báo cáo về Sở Tài chính chậm so với thời gian quy định nên làm ảnh hưởng đến tiến độ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, do đó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong thời gian tới (Công văn số 2118/UBND-TH ngày 02/11/2018). Đến hết ngày 01/11/2018, tất cả các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tốt theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh gửi báo cáo đúng thời gian, đáp ứng yêu cầu báo cáo trình HĐND tỉnh.

c. Nêu rõ nguyên nhân (nếu chưa đạt): Đã thực hiện.

2. Báo cáo tình hình tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC liên quan đến ngành triển khai trên địa bàn tỉnh (bao gồm nhiệm vụ mới, không thuộc nhiệm vụ liệt kê tại Khoản 1, Mục I, Phụ lục này):

a. Đánh giá hiệu quả, tiến độ, tỷ lệ phần việc đã triển khai thời điểm báo cáo.

- Đã trình ban hành 04 Nghị quyết và 08 Quyết định, đạt tỷ lệ 100% so với chỉ tiêu đăng ký tham mưu, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật và đúng tiến độ đề ra.

- Xây dựng Đề án đổi mới sắp xếp bộ máy của Sở Tài chính theo Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (Đề án số 3785/ĐA-STC ngày 28/9/2018).

- Phối hợp các cơ quan liên quan rà soát danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập có khả năng cổ phần hóa theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (Công văn số 3922/STC-GCS ngày 09/10/2018).

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, báo cáo đầy đủ và đúng thời gian theo quy định; tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí theo Nghị định số 130/2015/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; kết quả thực hiện cơ chế tự chịu trách nhiệm về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, đúng theo yêu cầu nhưng hiệu quả chưa cao do còn tồn tại những hạn chế, khó khăn ở các cơ quan, đơn vị (Công văn số 1094/UBND-TH ngày 15/6/2018 và Công văn số 1868/UBND-TH ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh).

b. Nêu rõ nguyên nhân (nếu chưa đạt): Đã hoàn thành đúng tiến độ.

3. Báo cáo tình hình ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC triển khai tại đơn vị, địa phương:

a. Liệt kê những nội dung đã ban hành:

- Kế hoạch và báo cáo công tác CCHC, kiểm tra CCHC năm 2018 (Kế hoạch số 783/KH-STC ngày 09/3/2018, số 1954/KH-STC ngày 23/5/2018, Báo cáo số 3631/BC-STC ngày 17/10/2018); báo cáo tình hình thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (Công văn số 4476/STC-VP ngày 13/11/2018).

- Giao chỉ tiêu biên chế công chức và hợp đồng lao động cho các đơn vị thuộc Sở Tài chính năm 2018; xây dựng kế hoạch và báo cáo định kỳ chuyển đổi vị trí công tác (Quyết định số 63/QĐ-STC ngày 23/5/2018, Kế hoạch số 4212/KH-STC ngày 30/11/2017, số 826/KH-STC ngày 13/3/2018 và Báo cáo số 3478/BC-STC ngày 12/9/2018).

- Kế hoạch và báo cáo tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả trong hoạt động công vụ và thực hiện Bản cam kết trách nhiệm của người đứng đầu trong CCHC (Kế hoạch số 1999/KH-STC ngày 24/5/2018, Báo cáo số 2012/BC-STC ngày 28/5/2018, số 3259/BC-STC ngày 27/8/2018 và số 4213/BC-STC ngày 29/10/2018).

- Kế hoạch và triển khai công tác nâng cao chỉ số CCHC năm 2018 và giai đoạn 2018 - 2020 (Kế hoạch số 2910/KH-STC ngày 27/7/2018, Công văn số 1732/STC-VP ngày 11/5/2018, số 3126/STC-VP ngày 15/8/2018).

- Kế hoạch chuyển đổi và Quyết định công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo TCVN ISO 9001: 2008 đang áp dụng sang phiên bản TCVN ISO 9001:2015 (Kế hoạch số 3019/KH-STC ngày 06/8/2018 và Quyết định số 87/QĐ-STC ngày 01/8/2018).

b. Đánh giá hiệu quả, tiến độ, tỷ lệ phần việc đã triển khai:

- Thực hiện nghiêm chủ trương, chính sách tinh giản biên chế và cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức không vượt biên chế so với Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh (Công văn số 2386/STC-VP ngày 21/6/2018); định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đạt 100% kế hoạch đề ra, đảm bảo công khai, minh bạch và đúng quy định.

- Công tác tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả trong hoạt động công vụ và thực hiện Bản cam kết trách nhiệm của người đứng đầu trong CCHC được thực hiện đúng thời gian quy định, hoàn thành 100% nội dung Bản cam kết.

- Các kế hoạch, báo cáo trên được thực hiện thường xuyên, đúng thời gian; đã ban hành quy trình vận hành dựa trên 32 TTHC đã được UBND tỉnh ban hành để chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2008 đang áp dụng sang phiên bản TCVN ISO 9001:2015 (Quyết định số 92/QĐ-STC ngày 15/8/2018).

II. Kết quả chủ yếu đạt được:

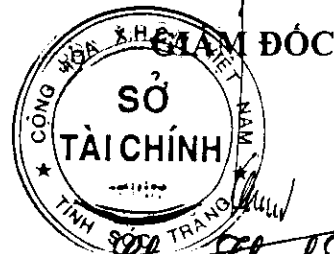
Đối với báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC:

Đính kèm các biểu mẫu gồm: 1A, 2A, 3A, 4A, 5A, 6A, 7A, 8A, 9A, 10A, 11A, 12, 13A

Trên đây là kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2018 của Sở Tài chính. / *Nguyễn Văn Tuấn*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (để báo cáo);
- Ban Giám đốc;
- Các đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VP (VT-CCHC).



Nguyễn Văn Tuấn



PHỤ LỤC

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính năm 2018

Kiểm theo Báo cáo số 4566/BC-STC ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài chính)

Biểu mẫu 1A

Thống kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính cấp tỉnh (tại Sở Tài chính)

STT	Nội dung thống kê ¹	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Sở, ngành	UBND cấp huyện/xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	01		Sai sót do chưa cập nhật kịp thời trên Hệ thống Một cửa dẫn đến giải quyết TTHC chậm (nhưng thực tế thực hiện trên văn bản giấy đúng thời gian quy định) làm ảnh hưởng tiến độ chung, đã nhắc nhở và chỉ đạo thực hiện hoàn tất.		
2	Kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị	01		Tại thời điểm kiểm tra, dư 01 Phó Trưởng phòng, nay đã nghỉ hưu.		
3	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	02 (Trung tâm Y tế thành phố Sóc Trăng và Trường THPT Huỳnh Hữu Nghĩa)		Theo Kết luận thanh tra	Báo cáo theo Kết luận thanh tra	Báo cáo theo Kết luận thanh tra
4	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008	01 (Đang tổ chức đánh giá nội bộ theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2015)		Có những sai sót nhẹ phát sinh, đã được theo dõi và chỉ đạo xử lý theo quy định		
5	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	0				
6	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)	0				

PHỤ LỤC



Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính năm 2018

Kiểm theo Báo cáo số 1566/BC-STC ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài chính)

Biểu mẫu 2A

Thống kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
1	Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND		
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo		- Các Nghị quyết số 02, 08, 09, 10/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra		- Các Quyết định số 42, 43/2017/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh. - Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh.
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	12 (04 Nghị quyết và 08 Quyết định)	- Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh. - Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của UBND tỉnh. - Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh. - Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh. - Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND tỉnh.
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	0	
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	0	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	
3	Rà soát VBQPPL		

-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	0	Rà soát theo Kế hoạch của UBND tỉnh (thời hạn báo cáo ngày 10/01/2019)
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	0	
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	0	
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	0	

PHỤ LỤC



Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính năm 2018

(Kèm theo Báo cáo số 156/BC-STC ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài chính)

Biểu mẫu 3A

Thống kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Ban hành TTHC theo thẩm quyền	32	
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC	32	
-	Đơn vị cấp tỉnh	32	
-	Đơn vị cấp huyện	0	
-	Đơn vị cấp xã	0	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử.	32	
-	Đơn vị cấp tỉnh	32	
-	Đơn vị cấp huyện	0	
-	Đơn vị cấp xã	0	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN theo đúng quy định	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	0	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	0	



PHỤ LỤC

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính năm 2018
(theo Báo cáo số 156/BC-STC ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài chính)

Biểu mẫu 4A

Thống kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết trên địa bàn tỉnh

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁱ	Số TTHC liên thông dọc ⁱⁱ	
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cơ quan tỉnh									
1	Lĩnh vực Quản lý công sản	29	20	20	0	29	24	24	0	
2	Lĩnh vực Quản lý ngân sách	02	0	0	0	01	01	01	0	
3	Lĩnh vực Tin học - Thống kê tài chính	01	01	0	0	01	0	0	0	
II	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện									
1	Lĩnh vực Quản lý công sản	13	02	02	0	13	0	0	0	
	Tổng số = (I) + (II)	45	23	22	0	44	25	25	0	



PHỤ LỤC

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính năm 2018
theo Công văn số 456/BC-STC ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài chính

Biểu mẫu 5A

Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết				
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn ⁱⁱⁱ	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn ^{iv}		
(1)	(2)	(3) (4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9) (10)+(11)	(10)	(11)	(12)	
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan tỉnh											
1	Sở Tài chính	321	35	286	281	11 (Trả đúng hạn) (*). 259 (Trả trước hạn)	11 (Do cập nhật trễ trên phần mềm, nhưng xử lý bằng văn bản giấy đúng hạn)	40	35	05	(*). 03 (Trả lại do không đúng đối tượng cấp MSNS và hồ sơ quyết toán sai chứng từ)	



PHỤ LỤC

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính năm 2018
(Kèm theo Báo cáo số 156/BC-STC ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài chính)

Biểu mẫu 6A

Thống kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính trên địa bàn tỉnh

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc		Số lượng lãnh đạo cấp sò/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước ^v	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ^{vi}		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ^{vii}		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ^{viii}			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ^{ix}					
1	Sở Tài chính	07	0	04	0	01	0	19	-4	0	0	45	-1	0	0	



PHỤ LỤC

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính năm 2018
 (theo Bảo cáo số 566/BC-STC ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài chính)

Biểu mẫu 7A

Thông kê số liệu về CBCCVC trên địa bàn tỉnh

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL ^x	Số lượng ^{xi} CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB CC VC ^{xii}	Nâng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyên môn		Đào tạo ^{xiii}	Bồi dưỡng nghiệp vụ ^{xiv}	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng ^{xv}	Không qua thi/ tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên ^{xvi}		TX ^{xvii}	TH ^{xviii}
1	Sở Tài chính	47	0	47	0	85	0	5	5	0	0	0	0	0	01	09	06

PHỤ LỤC



Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính năm 2018

(Kèm theo Báo cáo số 566/BC-STC ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài chính)

Biểu mẫu 8A

Thông kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức, công vụ trên địa bàn tỉnh

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã được phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	01	Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng có 07 đơn vị trực thuộc
2	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	01	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã được phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	0	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã được phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	

PHỤ LỤC



Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính năm 2018

Kèm theo Báo cáo số 456/BC-STC ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài chính)

Biểu mẫu 9A

Thống kê số liệu về cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	336	
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ.	603	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	30	
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	58	
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	515	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp (trong kỳ báo cáo).	21	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp (trong kỳ báo cáo).	02	Đang xây dựng Phương án kêu gọi đầu tư



PHỤ LỤC

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính năm 2018
 (Kèm theo Báo cáo số 456/BC-STC ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài chính)

Biểu mẫu 10A

Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			Ghi chú	
		Tổng số văn bản đi	Trong đó		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC		Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính
1	Sở Tài chính	5.943	5.235	708 (Từ ngày 02/10/2018 đến hết ngày 11/11/2018)	36	321	314	07	01	478	25	453 (*)	(*) Tiếp nhận trực tuyến



PHỤ LỤC

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính năm 2018
(Kèm theo Báo cáo số 456/BC-STC ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài chính)

Biểu mẫu 11A

Thông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) trên địa bàn tỉnh

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
1	Sở Tài chính	32	01	01	Do trả kết quả trực tiếp và trực tiếp trình UBND tỉnh không qua dịch vụ BCCI



PHỤ LỤC

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính năm 2018
(Kèm theo Báo cáo số 456/BC-STC ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài chính)

Biểu mẫu 12

Thống kê tình hình cập nhật thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử

STT	Nội dung thống kê ^{xx}	Số lượng			Ghi chú
		Tiếp nhận	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết trễ hạn	
I	Cấp tỉnh				
1	Sở Tài chính (từ ngày 16/11/2017 đến hết ngày 11/11/2018)	321	281 (Trong đó: 11 hồ sơ trả đúng hạn... 259 hồ sơ trả trước hạn)	11 (*)	(*) Do cập nhật trễ trên phần mềm, nhưng xử lý bằng văn bản giấy đúng hạn)



PHỤ LỤC

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính năm 2018
(theo Báo cáo số 456/BC-STC ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài chính)

Biểu mẫu 13A

Thống kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 trên địa bàn tỉnh

STT	Nội dung thống kê	Số lượng/ tổng số cơ quan, đơn vị	Ghi chú
1	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đã công bố ISO	01	
2	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng quy định về áp dụng, duy trì ISO	01	
3	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đã thực hiện chuyển đổi ISO 9001:2015	01	